

Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 14
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	15
Báo cáo kiểm toán độc lập	16 - 17
Báo cáo thu nhập	18 - 19
Báo cáo tình hình tài chính	20 - 21
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ	22
Báo cáo danh mục đầu tư	23 - 24
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	25 - 26
Thuyết minh báo cáo tài chính	27 - 62

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 44/GCN-UBCK ngày 16 tháng 9 năm 2013 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 6.042.661,45 chứng chỉ với tổng giá trị là 60.426.614.500 đồng, chiếm 120,85% tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND/đơn vị quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 149.027.329.200 đồng tương đương với 14.902.732,92 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định có xếp hạng tín dụng tốt.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hà Nội.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Liên Doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 06/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Ông Nguyễn Trung Kiên	Chủ tịch, thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 8 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2017
Ông Phạm Ngọc Ninh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Vũ Quang Đông - Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank - Công ty Quản lý Quỹ.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Quỹ.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF ("Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ"), với tư cách là công ty quản lý quỹ của Quỹ, chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đó, chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, trên cơ sở cam kết của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:



Ông Nguyễn Trung Kiên
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2019

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1. Mục tiêu của Quỹ

Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 44/GCN-UBCK ngày 16 tháng 9 năm 2013 và Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định có xếp hạng tín dụng tốt.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị quỹ của Quỹ và thay đổi của chỉ số tham chiếu lần lượt là -4,27% và -2,09% so với ngày 31 tháng 12 năm 2017.

3. Chiến lược đầu tư

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ.

Tỷ trọng phân bổ tài sản của Quỹ như sau:

<i>Loại hình đầu tư</i>	<i>Mức độ rủi ro</i>	<i>Tỷ trọng trong giá trị tài sản ròng (NAV)</i>
Cổ phiếu	Trung bình đến cao	50,00%
Tài sản có thu nhập cố định	Thấp đến trung bình	50,00%

Việc phân bổ tài sản có thể tăng/giảm 25,00% so với tỷ trọng trên tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của đội ngũ đầu tư về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này đối với các loại tài sản. Thông thường tỷ lệ phân bổ vào tài sản có thu nhập cố định sẽ cao hơn khi các điều kiện kinh tế vĩ mô thích hợp với chiến lược đầu tư thận trọng. Tỷ lệ phân bổ vào cổ phiếu sẽ cao hơn nếu điều kiện kinh tế thuận lợi cho chiến lược đầu tư nhắm vào tăng trưởng vốn.

Quỹ sẽ đầu tư chủ yếu vào một danh mục đầu tư đa dạng các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với vốn hóa thị trường lớn và thanh khoản tốt. Cổ phiếu được xem là có vốn hóa thị trường lớn là những cổ phiếu có vốn hóa thị trường lớn hơn cổ phiếu có vốn hóa thị trường lớn thứ 100 được niêm yết trên HSX.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

4. *Phân loại Quỹ*

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ("Thông tư 183") ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183 do Bộ Tài chính ban hành.

5. *Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ: Trung đến dài hạn*

6. *Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao): Trung bình đến cao*

7. *Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ*

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

8. *Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo*

Tổng giá trị tài sản ròng: 282.504.033.202 Việt Nam đồng.

Số lượng chứng chỉ quỹ: 14.902.732,92 chứng chỉ quỹ.

9. *Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ*

Lợi nhuận tham chiếu là tỷ suất lợi nhuận được xác định bằng trung bình giản đơn của tỷ suất sinh lợi của chỉ số VNIndex và lợi suất của trái phiếu kỳ hạn 10 (mười) năm của Chính phủ Việt Nam, tức bằng 50% (năm mươi phần trăm) nhân với tỷ suất sinh lợi của chỉ số VNIndex cộng với 50% (năm mươi phần trăm) nhân với lợi suất của trái phiếu kỳ hạn 10 (mười) năm của Chính phủ Việt Nam. Dữ liệu về lợi suất của trái phiếu kỳ hạn 10 (mười) năm của Chính phủ Việt Nam được lấy từ Reuters hoặc Bloomberg tại ngày đầu tiên của mỗi năm.

10. *Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ*

Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ cho Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ sẽ do Công ty Quản lý Quỹ đề xuất trên cơ sở các báo cáo tài chính đã kiểm toán xác nhận có đủ lợi nhuận để phân phối và được Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (nếu được uỷ quyền).

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối lợi nhuận cho Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ.

Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phân phối nếu sau khi phân phối:

- Quỹ không đủ khả năng tài chính để hoàn thành các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ tài sản, các khoản nợ đến hạn theo quy định của pháp luật; hoặc
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ dưới mức tối thiểu theo quy định của pháp luật.

11. *Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ: Trong năm, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.*

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Cơ cấu tài sản quỹ	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (%)	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (%)
Danh mục chứng khoán	79,26%	74,46%
Tài sản khác	20,74%	25,54%
Tổng cộng	100,00%	100,00%

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Chỉ tiêu	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	282.504.033.202	251.751.917.501
2	Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành	14.902.732,92	12.713.916,54
3	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ	18.956,52	19.801,28
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	21.133,94	19.801,28
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	18.164,55	15.138,95
6	Giá cuối ngày trên 1 đơn vị quỹ tại ngày báo cáo	18.956,52	19.801,28
7	Giá cuối ngày cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	21.133,94	19.801,28
8	Giá cuối ngày thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	18.164,55	15.138,95
9	Tổng tăng trưởng (%) / 1 đơn vị quỹ	-4,27%	31,32%
9.1	Tăng trưởng vốn (%) / 1 đơn vị quỹ (Thay đổi do biến động giá) (*)	-7,86%	27,40%
9.2	Tăng trưởng thu nhập (%) / 1 đơn vị quỹ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) (*)	3,59%	3,92%
10	Phân phối gộp trên 1 đơn vị quỹ	Không áp dụng	Không áp dụng
11	Phân phối ròng trên 1 đơn vị quỹ	Không áp dụng	Không áp dụng
12	Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution)	Không áp dụng	Không áp dụng
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	2,03%	2,14%
14	Tốc độ vòng quay danh mục (lần)	0,2868	0,2264

(*) Phần phân tách tăng trưởng / 1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập / 1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn / 1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối do theo quy định hạch toán hiện tại, toàn bộ giá trị chứng chỉ quỹ mua lại được hạch toán giảm vốn mà không phân tách chi tiết thành hai phần, vốn và lợi nhuận chưa phân phối.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tăng trưởng của giá trị tài sản ròng của Quỹ trên một đơn vị quỹ	Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ
1 năm (từ 1/1/2018 đến 31/12/2018)	-4,27%	-2,09%
Từ khi thành lập	89,57%	59,86%
Từ khi thành lập/năm	13,58%	9,79%

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM

1. Thị trường cổ phiếu

a. Lần đầu tiên VN-Index tăng trưởng âm kể từ năm 2012, độ biến động tăng cao.

VN-Index đã giảm 9,3% trong năm 2018, là năm đầu tiên thị trường giảm kể từ 2012, trái với kỳ vọng của hầu hết các nhà đầu tư. 2018 cũng là một năm thị trường có sự biến động rất lớn khi độ lệch chuẩn, một đơn vị đo độ biến động của thị trường, tăng lên tới 22,0% so với 9,8% năm 2017 và 12,9% năm 2016. Sau khi kéo dài đà tăng trưởng của năm 2017 và đạt đỉnh lịch sử tại mức 1,211 điểm ngày 10/04/2018, chỉ số VN-Index đã điều chỉnh mạnh, kéo dài đến đầu tháng 7, mất tới 26,3% từ mức đỉnh. Sau một đợt phục hồi kéo dài đến đầu tháng 10, chỉ số tiếp tục đi xuống và kết thúc năm ở mức 892,5 điểm, giảm 9,3% so với cuối năm 2017. Mức giảm này vẫn chưa thực sự phản ánh đầy đủ diễn biến tiêu cực của hầu hết các cổ phiếu trên thị trường vì Vingroup (VIC), cổ phiếu vốn hóa lớn nhất thị trường, tăng tới 49,2% và đóng góp 37,4 điểm vào VN-Index trong năm 2018. Nếu không có sự hỗ trợ của cổ phiếu VIC, VN-Index đã giảm tới 13,1%.

Sự sụt giảm và biến động cao của thị trường Việt Nam không phải là cá biệt vì các thị trường mới nổi khác trong khu vực cũng chứng kiến sự điều chỉnh mạnh do đồng đô la mạnh lên, Cục dự trữ liên bang Mỹ (Fed) liên tiếp tăng lãi suất, căng thẳng thương mại gia tăng giữa Mỹ và Trung Quốc cùng với quan ngại về tăng trưởng toàn cầu giảm tốc. So với các thị trường khác trong khu vực, VN-Index giảm ít hơn SHCOMP của Trung Quốc (-28,7%), PCOMP của Philippines (-17,0%), tương đương với chỉ số SET của Thái Lan (-10,8%) và chỉ giảm mạnh hơn chỉ số FBMKLCI của Malaysia (-7,9%), JCI của Indonesia (-8,8%) và MXIN của Ấn Độ (-8,8%).

b. Thanh khoản thị trường cơ sở tăng gần 33% trong cả năm 2018. Thị trường phái sinh tăng trưởng mạnh

Mặc dù giảm mạnh về nửa cuối năm, tổng giá trị giao dịch khớp lệnh bình quân cả năm 2018 trên hai sàn Hồ Chí Minh (HSX) và Hà Nội (HNX) vẫn đạt gần 5,1 nghìn tỷ VND/phiên, tăng 32,8% so với bình quân năm 2017.

Trong khi đó, thị trường phái sinh tiếp tục thu hút dòng tiền với khối lượng giao dịch bình quân đạt 76,8 nghìn hợp đồng/phiên trong năm 2018, tăng gấp 6,8 lần so với năm 2017.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM (tiếp theo)

1. Thị trường cổ phiếu (tiếp theo)

- c. Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng tổng cộng 1,8 tỷ USD nhưng chủ yếu thông qua giao dịch thỏa thuận tại một số công ty lớn

Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng 1,8 tỷ USD trong năm 2018, so với mức 1,2 tỷ USD của năm 2017. Tuy nhiên, giá trị mua ròng chủ yếu là từ những giao dịch thỏa thuận lớn của Vinhomes (VIC), Masan (MSN), Novaland (NVL) hay Yeah1 (YEG). Nếu loại trừ những giao dịch thỏa thuận lớn của ác công ty này, khối ngoại đã bán ròng khoảng 250 triệu USD trong năm 2018.

Bên cạnh đó, dòng vốn nước ngoài cũng chảy vào các đợt IPO lớn đầu năm như Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR – 146 triệu USD) và PV Power (POW – 182 triệu USD), cùng với đợt bán cổ phiếu quỹ của Techcombank (TCB – 740 triệu USD), hay phát hành tăng vốn của VIC (400 triệu USD thông qua phát hành 84 triệu cổ phiếu ưu đãi cho Hanwha).

- d. Hầu hết các ngành đều giảm trong năm 2018 - cổ phiếu vốn hóa lớn giảm nhiều hơn mặt bằng chung

Ngành Bất động sản, chiếm tỷ trọng lớn thứ hai trong rổ chỉ số VN-Index, là quán quân tăng trưởng trong năm 2018 với mức tăng bình quân 16,7%, do các doanh nghiệp lớn trong ngành như VIC, NVL, Khang Điền (KDH) và Đất Xanh (DXG) đều ghi nhận tăng trưởng lợi nhuận cao khi bắt đầu bàn giao các dự án mà họ đã bán từ 2-3 năm trước. Hầu hết tất cả các ngành khác đều sụt giảm, trong đó ngành Tài chính (ngành có tỷ trọng lớn nhất trong VN-Index) giảm 7,0% và ngành hàng tiêu dùng thiết yếu (ngành lớn thứ ba) giảm 12,4% trong năm 2018. Ngành Công nghiệp ghi nhận mức giảm lớn nhất (-29,7%), phản ánh kỳ vọng tiêu cực đối với các công ty vật liệu xây dựng và xây dựng vì lãi suất được dự kiến sẽ tăng và tín dụng hướng vào lĩnh vực bất động sản sẽ bị hạn chế hơn và giá thép giảm về cuối năm. Ngành Dược phẩm và Y tế cũng giảm mạnh với mức giảm 26,1% do thu nhập của ngành này bị suy giảm bởi thị trường OTC (kênh bán lẻ) tăng trưởng chậm lại và khó khăn của các công ty được niêm yết trong việc đấu thầu trên thị trường ETC (kênh bệnh viện). Ngành Năng lượng cũng có mức giảm đáng kể 25,8%, nhưng chủ yếu là do sự điều chỉnh 25,9% của cổ phiếu Petrolimex (PLX).

Trong năm 2018, VN30, chỉ số của các cổ phiếu có vốn hóa lớn giảm 12,4% so với mức giảm 12,8% của VN70, chỉ số của các cổ phiếu có vốn hóa trung bình và 15,8% của VNSmallcap, chỉ số của các cổ phiếu có vốn hóa nhỏ. Tuy nhiên, nếu không có sự đóng góp của VIC, VN30 đã giảm đến 17,6%, giảm mạnh hơn các nhóm cổ phiếu khác.

Xét về đóng góp của từng cổ phiếu, VIC đóng góp 37,4 điểm tăng vào VN-Index, giúp chỉ số này tăng thêm 3,8% trong năm 2018. Ngân hàng BIDV (BID) cũng đóng góp 11,6 điểm tăng vào VN-Index do thị trường kỳ vọng vào đợt phát hành riêng lẻ sắp tới cho đối tác chiến lược Hàn Quốc. Ngược lại, VNM là cổ phiếu làm giảm VN-Index nhiều nhất trong năm với 29,3 điểm, do kết quả kinh doanh không khả quan và áp lực bán kể từ sau đợt thoái vốn của SCIC vào cuối 2017. FLC Faros (ROS), Vinhomes (VHM) và Techcombank (TCB) cũng khiến VN-Index giảm tổng cộng 44,6 điểm, chủ yếu là do điều chỉnh vì những cổ phiếu này đã được định giá cao hồi đầu năm.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM (tiếp theo)

2. Thị trường trái phiếu

- a. Khối lượng phát hành trái phiếu chính phủ chỉ đạt 94,7% kế hoạch phát hành đã điều chỉnh

Thông Kê Trái Phiếu Chính Phủ Phát Hành 2018

Đơn vị: Tỷ đồng (trừ khi có ghi chú khác)

Kỳ hạn	Kế hoạch Phát Hành	Thực Tế Phát hành	Phát hành /Kế hoạch	Phát hành /Mời thầu	Đăng ký /Mời thầu
5 năm	31.000	12.409	40,0%	33,6%	3,8x
7 năm	11.000	6.710	61,0%	33,6%	2,3x
10 năm	64.000	77.576	121,2%	75,8%	2,2x
15 năm	51.000	54.964	107,8%	54,5%	1,9x
20 năm	9.000	7.565	84,1%	48,5%	1,6x
30 năm	9.000	6.573	73,0%	39,7%	1,4x
Tổng	175.000	165.797	94,7%	56,8%	2,2x

- b. Lợi tức trái phiếu chính phủ giảm mạnh trong Quý 1, tăng mạnh trong Quý 2, Quý 3 nhưng giảm dần về cuối Quý 4/2018.

Trong năm 2018, lợi tức các kỳ hạn đều (i) giảm mạnh trong Quý 1, khoảng 120bps (kỳ hạn 15 năm) tới 70bps (kỳ hạn 20 năm) do một lượng lớn vốn của các nhà đầu tư nước ngoài được rót vào nền kinh tế vào tuần cuối tháng 12 năm 2017 và tháng đầu năm 2018; (ii) tăng mạnh trong Quý 2 và đầu Quý 3/2018 do thanh khoản trong hệ thống ngân hàng sụt giảm và các hoạt động chốt lời và (iii) tăng rồi giảm trong Quý 4/2018. Chênh lệch lợi tức trên thị trường sơ cấp và thị trường thứ cấp xuất hiện trong Quý 2, nhưng giảm dần trong Quý 3 và không còn nữa trong Quý 4/2018.

- c. Thị trường thứ cấp

Thị trường thứ cấp kém sôi động hơn năm 2017 với khối lượng giao dịch giảm 12,7%, với xu hướng giảm tăng dần về cuối năm. Quý 4 2018, khối lượng giao dịch bình quân hàng ngày giảm còn khoảng 2,6 ngàn tỷ VND từ 2,8 ngàn tỷ VND trong Quý 3, 4,3 ngàn tỷ VND trong Quý 2 2018 và 4,7 ngàn tỷ VND trong Quý 1 2018. Tính cả năm 2018, nhà đầu tư nước ngoài bán ròng với khối lượng trên 1,4 ngàn tỷ VND (xấp xỉ 60 triệu USD) so với khối lượng mua ròng 28,5 ngàn tỷ VND (xấp xỉ 1,2 tỷ USD). Lợi tức trái phiếu Chính phủ Mỹ tăng mạnh trong năm, diễn biến căng thẳng của chiến tranh thương mại giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc cũng như những lo ngại về tốc độ tăng trưởng chậm lại của kinh tế thế giới ảnh hưởng lớn tới quyết định rút vốn của nhà đầu tư nước ngoài.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ (*)	3,59%	Không áp dụng
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ (*)	-7,86%	Không áp dụng
Tăng trưởng hàng năm/1 đơn vị quỹ	-4,27%	13,58%
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không áp dụng	Không áp dụng
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị quỹ	Không áp dụng	Không áp dụng

(*) Phân phân tách tăng trưởng/1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối do theo quy định hạch toán hiện tại, toàn bộ giá trị chứng chỉ quỹ mua lại được hạch toán giảm vốn mà không phân tách chi tiết thành hai phần, vốn và lợi nhuận chưa phân phối.

Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Tỷ lệ thay đổi
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	282.504.033.202	251.751.917.501	12,22%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị quỹ	18.956,52	19.801,28	-4,27%

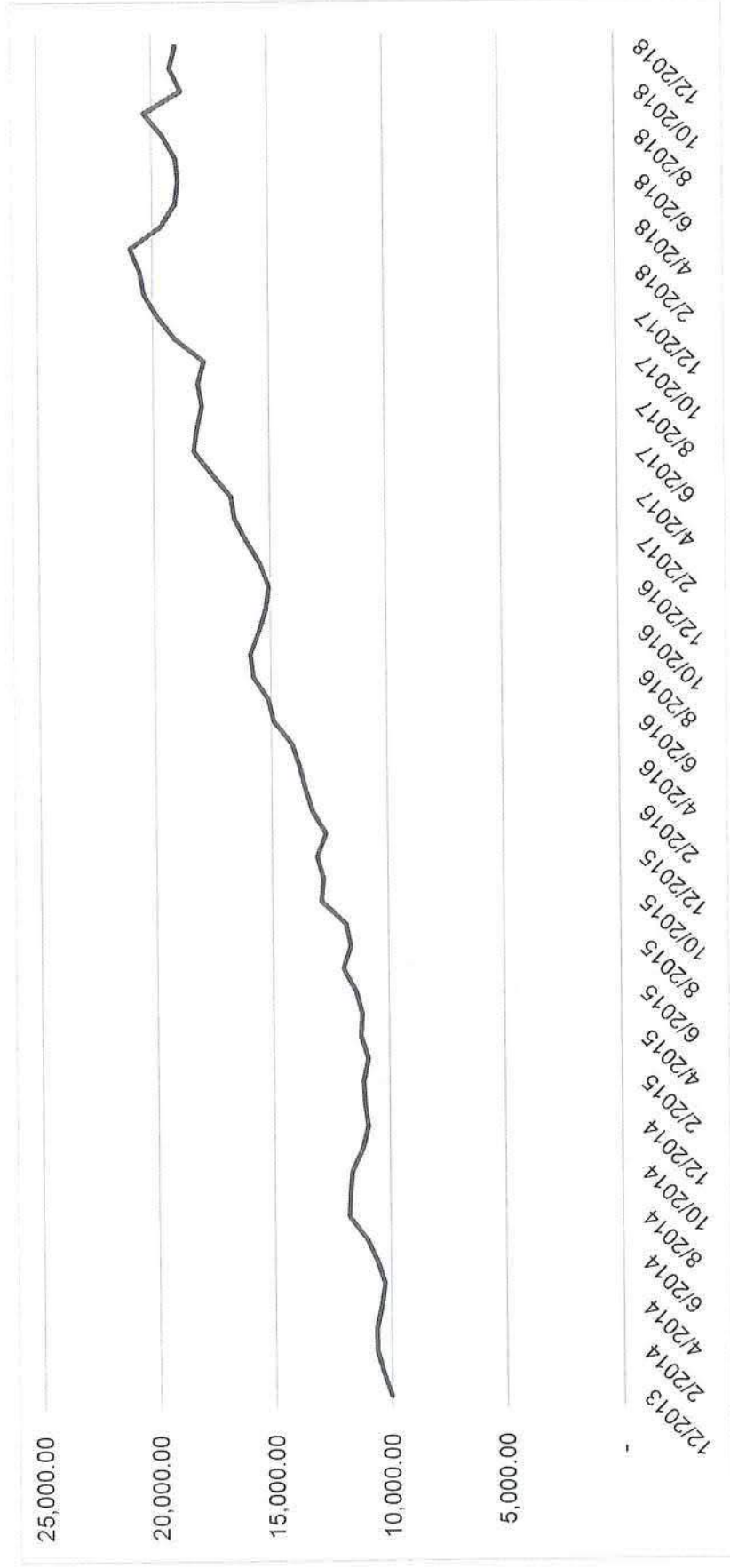
**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF**

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ (tiếp theo)

Biểu đồ thay đổi Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ hàng tháng của Quỹ:



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	968	1.643.388,03	11,03%
Từ 5.000 đến 10.000	175	1.212.239,38	8,13%
Từ 10.000 đến 50.000	118	2.453.913,40	16,47%
Từ 50.000 đến 500.000	34	3.013.833,88	20,22%
Trên 500.000	3	6.579.358,23	44,15%
Tổng cộng	1.298	14.902.732,92	100,00%

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

1. Thị trường cổ phiếu

Tăng trưởng GDP dự kiến sẽ giảm dần trong hai năm tới nhưng vẫn sẽ ở mức cao và chúng tôi cho rằng mục tiêu tăng trưởng 6,8% trong năm 2019 mà Chính phủ đặt ra là hợp lý

Một mặt, nền kinh tế toàn cầu được dự báo sẽ tăng trưởng chậm lại. Tổng hợp dự báo từ 34 tổ chức bao gồm các ngân hàng đầu tư lớn và các tổ chức xếp hạng tín dụng như Goldman Sachs, UBS, Deutsche Bank và Moody's cho thấy tăng trưởng toàn cầu sẽ giảm xuống 3,5% trong năm 2019 và 3,3% vào năm 2020 từ mức 3,7% của năm 2018. Ngân hàng Thế giới và IMF gần đây cũng đã cắt giảm dự báo tăng trưởng toàn cầu. Những lý do chính được đưa ra bao gồm (i) kỷ nguyên nói lỏng tiền tệ kéo dài cả một thập kỷ qua đang dần kết thúc và chi phí vốn đang tăng lên. Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ đang giảm dần quy mô bảng cân đối kế toán, và ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) cũng đã tuyên bố chấm dứt chương trình nói lỏng định lượng kể từ tháng 1/2019, điều này sẽ làm giảm lượng cung tiền và đẩy lãi suất lên cao; (ii) căng thẳng thương mại kéo dài dai dẳng có thể làm suy giảm niềm tin đầu tư và tiêu dùng trên toàn cầu; (iii) nền kinh tế Mỹ đang bước vào giai đoạn hậu tăng trưởng và dự báo tăng trưởng GDP sẽ giảm xuống mức 2,5% vào năm 2019 và 1,9% vào năm 2020 từ mức 2,9% năm 2018; (iv) Nền kinh tế Trung Quốc đang đối mặt với các áp lực giảm tín dụng, sự điều chỉnh trên thị trường bất động sản và căng thẳng thương mại với Mỹ. Tăng trưởng GDP ước tính chỉ đạt 6,2% (thấp nhất kể từ năm 1990) vào năm 2019 và 6,0% vào năm 2020 so với 6,6% năm 2018. Để duy trì một mức tăng trưởng hợp lý cho năm 2019, Chính phủ Trung Quốc đã công bố một loạt các biện pháp bao gồm cắt giảm thuế, nới lỏng tín dụng cho khu vực tư nhân, thúc đẩy đầu tư cơ sở hạ tầng và cắt giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc. Khi Việt Nam ngày càng phụ thuộc vào nhu cầu toàn cầu do xuất khẩu đã vượt quá 100% GDP, chắc chắn nền kinh tế sẽ bị ảnh hưởng bởi sự suy giảm dự kiến này. Đặc biệt, do nhu cầu toàn cầu về điện thoại di động dự kiến sẽ giảm và xuất khẩu điện thoại di động và linh kiện đang chiếm hơn 20% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam, tăng trưởng GDP cũng sẽ gặp thách thức. Về mặt giá trị gia tăng, nhu cầu tiêu dùng cuối cùng tại Trung Quốc và Hoa Kỳ chiếm lần lượt 8% và 4% GDP của Việt Nam, do đó bất kỳ sự chậm lại của 2 nền kinh tế này sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến Việt Nam.

Mặt khác, vẫn có nhiều yếu tố tích cực sẽ tiếp tục hỗ trợ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Thứ nhất, nhu cầu nội địa vẫn tốt, được củng cố bởi tăng trưởng tiêu dùng và đầu tư. Nếu không có bất kỳ sự gián đoạn lớn nào, doanh số bán lẻ trong nước sẽ vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng cao, do thu nhập khả dụng ngày càng tăng và niềm tin tiêu dùng cao, tại thời điểm Quý 3/2018 đã đạt mức cao nhất trong mười năm qua và xếp thứ hai trên phạm vi toàn cầu, chỉ sau Ấn Độ. Đầu tư của khu vực tư nhân trong nước dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ nhờ cải cách thủ tục hành chính. Thứ hai, khu vực FDI sẽ tiếp tục đóng vai trò nòng cốt trong tăng trưởng kinh tế. Sự giảm tốc gần đây của vốn FDI đăng ký mới có thể là do năm cơ sở 2017 số vốn đăng ký ở mức cao, nhưng cũng có thể là do việc trì hoãn đầu tư trước những bất ổn toàn cầu.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

1. Thị trường cổ phiếu (tiếp theo)

Tuy nhiên, trong cuộc khảo sát Lãnh đạo Doanh nghiệp APEC của PwC được công bố vào tháng 11 năm 2018, Việt Nam vẫn tiếp tục được xếp hạng điểm đến đầu tư hàng đầu trong số các quốc gia thành viên APEC năm thứ hai liên tiếp. Đây là một tín hiệu tích cực cho thấy FDI sẽ tiếp tục tăng trưởng trong tương lai. Thứ ba, đầu tư công cũng dự kiến sẽ tăng tốc trong 2019-2020 sau hai năm giải ngân chậm. Ngoài ra, tăng trưởng kinh tế cũng sẽ tiếp tục được hỗ trợ bởi tăng trưởng xuất khẩu trong dài hạn, nhờ vào CPTPP, và có thể là EVFTA, cùng với việc chuyển dịch sản xuất từ Trung Quốc. Liên quan đến tác động của căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc lên Việt Nam, hầu hết các nghiên cứu hiện nay đều cho thấy lợi ích tiềm năng sẽ lớn hơn những tổn thất. Theo một nghiên cứu gần đây của Ngân hàng Standard Chartered, việc suy giảm xuất khẩu sang Trung Quốc (trong chuỗi cung ứng hàng hóa từ quốc gia này xuất đi Mỹ) sẽ được bù đắp nhờ vào việc chuyển dịch nhập khẩu của Hoa Kỳ từ Trung Quốc sang Việt Nam và các nước khác. Trong trường hợp Mỹ áp thuế đối với tất cả hàng hóa còn lại của Trung Quốc, Ngân hàng này ước tính GDP của Việt Nam có thể tăng thêm 2,81%. Tuy nhiên, nếu tranh chấp tiếp tục kéo dài, dòng vốn đầu tư có thể bị tắc nghẽn và gây tác động bất lợi đến Việt Nam.

Về tính ổn định của nền kinh tế, áp lực lạm phát năm 2019 được dự báo giảm do giá dầu gần đây giảm mạnh và giá một số loại hàng hóa cơ bản cũng đi xuống. Sự thận trọng của Ngân hàng Nhà nước trong việc đặt chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng kể từ năm ngoái cũng làm giảm áp lực lên lạm phát ở phía cung tiền. Do đó, Chính phủ có thêm nhiều dư địa để điều chỉnh giá bán lẻ điện và giá dịch vụ y tế, giáo dục trong năm 2019. Gánh nặng điều chỉnh tỷ giá không quá cao nhờ dự trữ ngoại hối lớn, thặng dư thương mại cao và dòng vốn FDI và FII chảy vào Việt Nam được dự báo tiếp tục cao. Vì vậy mục tiêu lạm phát dưới 4% mà Chính phủ đặt ra cho năm 2019 cũng là hợp lý, từ đó giảm bớt áp lực tăng lãi suất.

Về phía thị trường chứng khoán, chúng tôi cho rằng hầu hết các rủi ro đã phản ánh vào giá cổ phiếu trong khi dự báo tăng trưởng lợi nhuận của các công ty vẫn ở mức tốt. Vào cuối năm 2018, hệ số giá trên thu nhập (P/E) của VN-Index là 15,6 lần, so với 21,8 lần tại thời điểm VN Index đạt mức cao nhất mọi thời đại vào tháng 4 năm 2018 và mức trung bình lịch sử, 16,0 lần. Mức định giá hiện tại đã hấp dẫn hơn so với hầu hết các thị trường mới nổi khác trong khu vực. Ngoài ra, mức định giá này bị bóp méo bởi một số cổ phiếu có vốn hóa lớn hiện đang được định giá rất cao. P/E và hệ số giá trên giá trị sổ sách (P/B) trung bình của 30 công ty lớn nhất trong rổ VN-Index, chiếm tới 82% vốn hóa của chỉ số, lần lượt là 29,2 lần và 4,4 lần. Trong khi đó, P/E và P/B trung vị của tất cả các công ty niêm yết tương ứng chỉ là 9,1 lần và 0,9 lần, có nghĩa là nhiều cổ phiếu đang giao dịch với mức chiết khấu lớn. Trong khi đó, lợi nhuận các công ty niêm yết vẫn được dự báo tăng trưởng ở mức bình quân 13% trong năm 2019.

Thêm vào đó, động thái của Fed gần đây đã trở nên ôn hòa hơn, báo hiệu chu kỳ tăng lãi suất đã dần kết thúc và điều đó có thể hỗ trợ dòng vốn vào các thị trường mới nổi. Ngoài ra, triển vọng nâng hạng thị trường của Việt Nam có thể sẽ rõ ràng hơn với những sửa đổi sắp tới của Luật Chứng khoán. Ngoài ra, tiến độ cổ phần hóa và thoái vốn các doanh nghiệp nhà nước được kì vọng sẽ được đẩy mạnh hơn trong năm 2019, giúp thu hút thêm dòng vốn từ nước ngoài.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

2. Thị trường trái phiếu

Kho bạc Nhà nước có kế hoạch phát hành VND260 ngàn tỷ Trái phiếu Chính phủ trong năm 2019 với cơ cấu kỳ hạn như sau:

- Kỳ hạn 5 năm: 40 ngàn tỷ VND
- Kỳ hạn 7 năm: 30 ngàn tỷ VND
- Kỳ hạn 10 năm: 70 ngàn tỷ VND
- Kỳ hạn 15 năm: 78 ngàn tỷ VND
- Kỳ hạn 20 năm: 20 ngàn tỷ VND
- Kỳ hạn 30 năm: 22 ngàn tỷ VND

Khối lượng trái phiếu dự kiến phát hành khá lớn, cao hơn 56,6% so với khối lượng thực tế phát hành năm 2018. Về phía cung, lợi tức trái phiếu Chính phủ sẽ bị ảnh hưởng bởi việc giải ngân vốn ngân sách nhà nước cho các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng. Trong trường hợp việc giải ngân được cải thiện mạnh mẽ, nhu cầu vốn gia tăng, việc thực hiện kế hoạch phát hành trên sẽ chịu nhiều áp lực hơn và tạo thêm áp lực tăng lợi suất trái phiếu. Về phía cầu, việc thực hiện các đợt IPO hay thoái vốn nhà nước ngoài trong năm 2019 sẽ ảnh hưởng lớn tới lượng ngoại tệ đưa vào Việt Nam, theo đó ảnh hưởng tới cung cầu nội tệ, và theo đó ảnh hưởng tới xu hướng lợi tức trái phiếu Chính phủ.

VI. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban đại diện quỹ, và Ban Giám đốc Công ty quản lý Quỹ đã được trình bày đầy đủ tại Bản cáo bạch của Quỹ.



Ông Vũ Quang Đông
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Chiến Lược VCBF ("Quỹ"). Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.
- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Lê Sỹ Hoàng
Lê Sỹ Hoàng

Trưởng phòng Nghiệp vụ Dịch vụ Chứng khoán

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Vũ Hương Giang

Phụ trách Bộ phận Giám sát

Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited
Head Office

P1810-1815, Keangnam Hanoi Landmark,
E6 Phạm Hùng, Mễ Trì Ward,
South Tu Liem District, Hanoi

Tel : (84 24) 3936 8000
Fax : (84 24) 3837 8356
Swift: SCBLVNVX

Here for good

Số tham chiếu: 61141024/20392108

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF (“Quỹ”) được lập ngày 27 tháng 3 năm 2019 và được trình bày từ trang 18 đến trang 62, bao gồm báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Giám đốc của Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO THU NHẬP
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

B01-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		(8.746.958.949)	57.150.644.557
02	1.1 Cổ tức được chia	14	10.088.179.540	6.641.045.300
03	1.2 Tiền lãi được nhận	15	5.525.981.260	3.916.893.290
04	1.3 Lãi bán các khoản đầu tư	16	11.562.815.826	5.633.646.027
05	1.4 Chênh lệch (giảm)/tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	17	(35.923.935.575)	40.959.059.940
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		202.963.078	108.480.870
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	18	202.963.078	108.480.870
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		5.546.370.859	4.046.164.254
20.1	3.1 Phí quản lý Quỹ mở	28.1	4.250.899.101	2.916.413.445
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	19	304.535.175	273.205.099
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát	28.2	237.600.000	214.500.000
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	28.2	237.600.000	178.200.000
20.5	3.5 Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng		132.000.000	132.000.000
20.7	3.6 Chi phí họp, Đại hội Quỹ mở		80.445.839	63.758.740
20.8	3.7 Chi phí kiểm toán		132.000.000	132.000.000
20.10	3.8 Chi phí hoạt động khác	20	171.290.744	136.086.970
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		(14.496.292.886)	52.995.999.433
24	V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC		415.512.624	166.319.393
24.1	5.1 Thu nhập khác	22	415.512.624	166.319.393
30	VI. TỔNG (LỖ)/LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		(14.080.780.262)	53.162.318.826
31	6.1 Lợi nhuận đã thực hiện		21.843.155.313	12.203.258.886
32	6.2 (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	17	(35.923.935.575)	40.959.059.940
40	VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN		-	-
41	VIII. (LỖ)/LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		(14.080.780.262)	53.162.318.826

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO THU NHẬP (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

B01-QM



Bà Trần Thị Hà Linh
Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Ông Vũ Quang Đông
Tổng Giám đốc



Bà Võ Thị Thùy Linh
Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2019

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

B02-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	4	17.873.361.791	16.087.472.287
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		4.355.327.638	7.862.212.593
112	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng		13.518.034.153	8.225.259.694
120	2. Các khoản đầu tư thuần	5	261.945.193.655	237.097.680.166
121	2.1 Các khoản đầu tư		261.945.193.655	237.097.680.166
	2.1a Cổ phiếu		199.427.508.500	180.363.866.650
	2.1b Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng		36.663.511.226	46.654.538.316
	2.1c Trái phiếu doanh nghiệp		25.854.173.929	10.079.275.200
130	3. Các khoản phải thu	6	4.419.753.533	2.581.232.763
133	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		4.419.753.533	2.581.232.763
136	3.1a Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		4.419.753.533	2.581.232.763
100	TỔNG TÀI SẢN		284.238.308.979	255.766.385.216
300	II. NỢ PHẢI TRẢ			
312	1. Phải trả về mua các khoản đầu tư		-	1.327.948.940
313	2. Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	7	126.905.312	308.660.408
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		4.755.875	2.891.120
316	4. Chi phí phải trả	8	66.000.000	76.000.000
317	5. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	9	961.017.899	1.711.014.000
318	6. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	10	124.494.491	145.645.336
319	7. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	11	451.102.200	442.307.911
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		1.734.275.777	4.014.467.715
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ (III=I-II)		282.504.033.202	251.751.917.501
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		149.027.329.200	127.139.165.400
412	1.1 Vốn góp phát hành	12	224.217.995.400	172.509.330.400
413	1.2 Vốn góp mua lại	12	(75.190.666.200)	(45.370.165.000)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		58.085.963.528	35.141.231.365
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	13	75.390.740.474	89.471.520.736
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN MỘT ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ (IV=(I-II)/III)	12	18.956,52	19.801,28

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018


B02-QM

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	12	14.902.732,92	12.713.916,54



Bà Trần Thị Hà Linh
Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Ông Vũ Quang Đông
Tổng Giám đốc



Bà Võ Thị Thùy Linh
Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2019

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

B03-QM

STT	CHỈ TIÊU	Năm nay VND	Năm trước VND
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu năm	251.751.917.501	151.681.688.763
II	Thay đổi NAV so với năm trước	(14.080.780.262)	53.162.318.826
	<i>II.1 Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong năm</i>	<i>(14.080.780.262)</i>	<i>53.162.318.826</i>
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	44.832.895.963	46.907.909.912
	<i>III.1 Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ</i>	<i>102.949.472.528</i>	<i>80.034.597.937</i>
	<i>III.2 Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ</i>	<i>(58.116.576.565)</i>	<i>(33.126.688.025)</i>
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối năm	282.504.033.202	251.751.917.501



Bà Trần Thị Hà Linh
 Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Ông Vũ Quang Đông
 Tổng Giám đốc



Bà Võ Thị Thùy Linh
 Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm
 Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2019

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

B04-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018
I	Cổ phiếu			199.427.508.500	70,16%
1	ACB	192.280	29.600	5.691.488.000	2,00%
2	BCC	442.000	6.500	2.873.000.000	1,01%
3	BMP	79.280	52.600	4.170.128.000	1,47%
4	BSR	75.100	13.600	1.021.360.000	0,36%
5	CTD	33.850	160.000	5.416.000.000	1,91%
6	CTG	214.000	19.300	4.130.200.000	1,45%
7	DGC	124.323	46.000	5.718.858.000	2,01%
8	DHC	25.896	30.000	776.880.000	0,27%
9	DHG	23.354	79.000	1.844.966.000	0,65%
10	DRC	204.300	21.500	4.392.450.000	1,55%
11	FOX	72.900	50.900	3.710.610.000	1,31%
12	FPT	295.064	42.200	12.451.700.800	4,38%
13	HCM	58.760	46.850	2.752.906.000	0,97%
14	HDG	125.645	34.500	4.334.752.500	1,53%
15	HPG	182.600	30.950	5.651.470.000	1,99%
16	HT1	338.080	13.650	4.614.792.000	1,62%
17	IMP	79.005	60.900	4.811.404.500	1,69%
18	LPB	472.500	9.200	4.347.000.000	1,53%
19	LTG	140.160	26.000	3.644.160.000	1,28%
20	MBB	584.160	19.450	11.361.912.000	4,00%
21	MWG	56.800	87.000	4.941.600.000	1,74%
22	NCT	97.920	71.600	7.011.072.000	2,47%
23	NSC	52.635	90.000	4.737.150.000	1,67%
24	NT2	135.120	24.600	3.323.952.000	1,17%
25	PAC	126.890	38.750	4.916.987.500	1,73%
26	PGC	239.100	14.500	3.466.950.000	1,22%
27	PME	52.980	63.500	3.364.230.000	1,18%
28	PNJ	64.002	93.200	5.964.986.400	2,10%
29	POW	593.000	16.000	9.488.000.000	3,34%
30	PVS	410.345	17.600	7.222.072.000	2,54%
31	PVT	192.100	15.700	3.015.970.000	1,06%
32	QNS	153.360	41.900	6.425.784.000	2,26%
33	REE	121.340	30.800	3.737.272.000	1,31%
34	SAS	135.200	23.500	3.177.200.000	1,12%
35	SVC	18.300	43.000	786.900.000	0,28%
36	TCM	258.125	23.000	5.936.875.000	2,09%
37	TMS	95.960	26.700	2.562.132.000	0,90%
38	TRA	2	70.000	140.000	0,00%
39	VHC	5	95.000	475.000	0,00%
40	VNM	134.290	120.000	16.114.800.000	5,67%
41	VSC	234.696	40.550	9.516.922.800	3,35%

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018


B04-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018
II	Trái phiếu			25.854.173.929	9,09%
1	Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết - MSN11718 - VHM11801	150.000 40.000	100.289,32 101.894,20	19.119.165.960 15.043.398.000 4.075.767.960	6,72% 5,29% 1,43%
2	Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết - Trái phiếu CTCP Viglacera	67	100.522.506,67	6.735.007.969 6.735.007.969	2,37% 2,37%
III	Các loại chứng khoán khác			-	0,00%
1	Quyền LPB	450.000	-	-	0,00%
IV	Các tài sản khác			4.419.753.533	1,56%
1	Cổ tức, trái tức được nhận			1.135.518.435	0,40%
2	Phải thu lãi tiền gửi			3.284.235.098	1,16%
V	Tiền			54.536.873.017	19,19%
1	Tiền gửi ngân hàng			4.355.327.638	1,53%
2	Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng			13.518.034.153	4,76%
3	Tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng			36.663.511.226	12,90%
VI	Tổng giá trị danh mục			284.238.308.979	100,00%




Bà Trần Thị Hà Linh
 Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ

Bà Võ Thị Thùy Linh
 Người lập biểu

Ông Vũ Quang Đông
 Tổng Giám đốc



Bà Nguyễn Băng Tâm
 Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2019

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

B05-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp		(14.080.780.262)	53.162.318.826
02	<i>Điều chỉnh cho các khoản giảm/(tăng) giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư</i>		35.913.935.575	(40.949.059.940)
03	(Lỗ)/lãi đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	17	35.923.935.575	(40.959.059.940)
04	Chi phí trích trước		(10.000.000)	10.000.000
05	2. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		21.833.155.313	12.213.258.886
20	Tăng các khoản đầu tư		(60.771.449.064)	(55.015.048.811)
06	Giảm phải thu bán chứng khoán đầu tư		-	575.136.000
07	Tăng dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(1.838.520.770)	(1.566.988.508)
10	Giảm phải trả cho người bán		(1.327.948.940)	(18.167.210)
11	(Giảm)/Tăng phải trả các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		(181.755.096)	1.123.140
13	Increase/(Giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		1.864.755	(702.540)
14	(Giảm)/tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		(749.996.101)	1.393.813.115
15	(Giảm)/Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ		(21.150.845)	21.150.845
16	Giảm phải trả, phải nộp khác		-	(27.000.000)
17	Tăng phải trả Dịch vụ quản lý Quỹ mở		8.794.289	151.554.279
19	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(43.047.006.459)	(42.271.870.804)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	12	102.949.472.528	80.034.597.937
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	12	(58.116.576.565)	(33.126.688.025)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		44.832.895.963	46.907.909.912
40	III. Tăng tiền thuần trong năm		1.785.889.504	4.636.039.108
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	4	16.087.472.287	11.451.433.179
51	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		16.087.472.287	11.451.433.179
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		14.230.812.951	11.009.737.803
	<i>Trong đó:</i>			
	<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng</i>		8.225.259.694	6.631.363.830
	<i>Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ</i>		6.005.553.257	4.378.373.973
53	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng chỉ quỹ		1.856.659.336	441.695.376

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

B05-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	17.873.361.791	16.087.472.287
56	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		17.873.361.791	16.087.472.287
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		16.787.849.401	14.230.812.951
	Trong đó:			
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng		13.518.034.153	8.225.259.694
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		3.269.815.248	6.005.553.257
58	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán Chứng chỉ quỹ		1.085.512.390	1.856.659.336
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm		1.785.889.504	4.636.039.108



Bà Trần Thị Hà Linh
 Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Bà Võ Thị Thùy Linh
 Người lập biểu



Ông Vũ Quang Đông
 Tổng Giám đốc



Bà Nguyễn Băng Tâm
 Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2019

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 44/GCN-UBCK ngày 16 tháng 9 năm 2013 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Liên Doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Liên Doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hà Nội.

Công ty quản lý quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 06/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

Ngân hàng giám sát và lưu ký

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 6.042.661,45 chứng chỉ với tổng giá trị là 60.426.614.500 đồng, chiếm 120,85% tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND/đơn vị quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 149.027.329.200 đồng, tương đương với 14.902.732,92 chứng chỉ quỹ.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu chính của Quỹ là đầu tư trung và dài hạn vào các doanh nghiệp nhằm đạt hiệu quả đầu tư tối ưu từ cổ tức và sự tăng giá gắn liền với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Mục tiêu của Quỹ có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với UBCKNN.

Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc đầu tư của Quỹ bằng các hình thức đầu tư mà pháp luật hiện hành cho phép.

Quỹ sẽ kết hợp cả chiến lược đầu tư tăng trưởng và chiến lược đầu tư giá trị. Quỹ sẽ sử dụng phương pháp tiếp cận từ dưới lên, từ cơ sở phân tích các chỉ số cơ bản của công ty để lựa chọn cổ phiếu đầu tư và lựa chọn các công ty trong nhiều ngành khác nhau, áp dụng các mô hình kỹ thuật, thống kê để đưa ra các quyết định đầu tư sao cho đem lại lợi nhuận tối đa cho danh mục đầu tư.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng

- ▶ Kỳ định giá hàng tuần: NAV được định giá hàng tuần vào ngày thứ Tư. Trong trường hợp ngày định giá của kỳ định giá hàng tuần rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Trong trường hợp ngày làm việc tiếp theo là ngày thứ Ba thì ngày định giá sẽ là ngày thứ Tư của tuần đó.
- ▶ Kỳ định giá hàng tháng: NAV được định giá hàng tháng vào ngày cuối cùng của tháng và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.

Tần suất giao dịch chứng chỉ Quỹ

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ là định kỳ vào ngày thứ Tư hàng tuần nếu ngày đó là ngày làm việc. Nếu ngày thứ Tư không phải là ngày làm việc thì ngày giao dịch sẽ là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Trong trường hợp ngày làm việc tiếp theo là ngày thứ Ba thì ngày giao dịch sẽ là ngày thứ Tư của tuần đó.

Hạn chế đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của pháp luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bao gồm ít nhất sáu (6) tổ chức phát hành, đồng thời phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của quỹ tại Ngân hàng Giám sát, tổng giá trị các khoản đầu tư vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và ngoại tệ; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng không được vượt quá bốn mươi chín phần trăm (49%) của tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- Tổng giá trị các khoản đầu tư vào các loại giấy tờ có giá và chứng khoán phát hành của một tổ chức (bao gồm công cụ thị trường tiền tệ, công cụ chuyển nhượng, chứng khoán) có giá trị từ năm phần trăm (5%) trở lên trên tổng giá trị tài sản của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- c) Tổng giá trị của tất cả các chứng khoán, bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng thương mại trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát, ngoại tệ; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng; cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch; trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật, không bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; trái phiếu doanh nghiệp được phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành; cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; chứng khoán phái sinh niêm yết theo quy định của pháp luật, giao dịch tại các sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro, được phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm các công ty có quan hệ sở hữu với nhau không được vượt quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- d) Tổng giá trị đầu tư của Quỹ vào tất cả các chứng khoán bao gồm các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (không bao gồm trái phiếu Chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi phát hành bởi một tổ chức không được vượt quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- e) Tổng giá trị đầu tư của Quỹ vào chứng khoán (trừ trái phiếu Chính phủ) của một tổ chức phát hành không được vượt quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị của các chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó;
- f) Tổng giá trị trái phiếu và cổ phiếu chuẩn bị niêm yết hoặc chuẩn bị đăng ký giao dịch trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày Quỹ đầu tư của các tổ chức phát hành được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam và trái phiếu doanh nghiệp được phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành không được vượt quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- g) Tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ; và
- h) Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

Quỹ sẽ không thực hiện đầu tư vào:

- a) Đơn vị quỹ của các quỹ đầu tư hoặc cổ phần của các công ty đầu tư chứng khoán được thành lập và hoạt động tại Việt Nam; hoặc
- b) Trực tiếp nắm giữ bất động sản, đá quý, kim loại quý hoặc hàng hóa.

Cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế được đưa ra ở trên, ngoại trừ điểm (g) và chỉ vì các lý do sau:

- a) Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- b) Thực hiện các khoản thanh toán phù hợp với pháp luật của Quỹ;
- c) Thực hiện các lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- d) Các hoạt động hợp nhất, sáp nhập và thu tóm của các tổ chức phát hành các chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- e) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (6) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ; hoặc
- f) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC (“Thông tư 198”) ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 183/2011/TT-BTC (“Thông tư 183”) ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183 và Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư được đo lường theo giá trị hợp lý (*Thuyết minh 3.4*).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính và danh mục đầu tư, kết quả kinh doanh, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán được chấp nhận phổ biến ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam.

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập
2. Báo cáo tình hình tài chính
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ
4. Báo cáo danh mục đầu tư
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký Chung.

2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam (VND) và báo cáo tài chính được trình bày bằng VND.

2.5 *Cam kết tuân thủ*

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ khẳng định rằng báo cáo tài chính này tuân thủ Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Thay đổi chính sách kế toán thuyết minh

Các chính sách kế toán của Quỹ sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

3.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở yêu cầu Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ chờ phân bổ, tiền gửi phong tỏa và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

3.4 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, trái phiếu doanh nghiệp niêm yết và chưa niêm yết và các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng.

Nguyên tắc phân loại

Quỹ phân loại chứng khoán niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư". Phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
- ▶ Cổ phiếu niêm yết, trái phiếu niêm yết và chưa niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các cổ phiếu, trái phiếu này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính.

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 và được Ban đại diện Quỹ và Ngân hàng Giám sát phê duyệt. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở.

Nguyên tắc định giá

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Tiền gốc cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	- Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
5	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá thị trường là giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá yết cuối ngày (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế); - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá sạch từ nguồn Thomson Reuters cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền; hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận. - Đối với trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, giá sẽ được tính theo phương pháp chiết khấu dòng tiền.
7.	Trái phiếu không niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá yết hoặc tên gọi khác (giá sạch) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc - Giá trị trung bình dựa trên báo giá của ba tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền; hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Trái phiếu (tiếp theo)		
8	Trái phiếu biến động bất thường	<ul style="list-style-type: none"> - Trong điều kiện bình thường, trái phiếu niêm yết được định giá theo mục 5 ở trên. - Trong trường hợp giá trái phiếu có biến động hơn $\pm 10\%$ khi so sánh với giá Reuters, sự biến động này được xem là biến động bất thường trong giá trái phiếu, phương pháp định giá được sử dụng theo thứ tự sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá sạch từ nguồn Thomson Reuters cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền; hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
Cổ phiếu		
9.	Cổ phiếu niêm yết đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá (bao gồm cả trường hợp do bị đình chỉ giao dịch hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch), sử dụng một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu (tiếp theo)		
10.	Các tài sản được phép đầu tư, chưa niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba tổ chức báo giá, sử dụng một trong các phương pháp sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trung bình từ các báo giá; hoặc + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba tháng tính đến ngày định giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
11.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tám mươi phần trăm (80%) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
12.	Cổ phần, phần vốn góp khác	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc - Giá mua/ giá trị vốn góp; hoặc - Giá trị sổ sách; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
13.	Quyền mua cổ phiếu	<p>Giá trị quyền mua = $\text{Max} \{0; (\text{Giá cổ phiếu} - \text{Giá phát hành quyền mua}) \times \text{tỷ lệ chuyển đổi}\}$</p>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Chứng khoán phái sinh		
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá.
15.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá.
Các tài sản khác		
16.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quý đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư đem đi thế chấp

Các khoản đầu tư vào trái phiếu Chính phủ có thể được Quý mang đi thế chấp trong các giao dịch bán và cam kết mua lại trái phiếu Chính phủ.

3.5 *Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ*

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị các tài sản do Quý sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như phí quản lý, phí giám sát, phí lưu ký, phí quản trị Quỹ, phí đại lý chuyển nhượng và các khoản phải trả khác) tại ngày trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quý chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và được làm tròn xuống đến 2 (hai) số thập phân.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.6 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn

3.6.1 Vốn chủ sở hữu

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành phản ánh số vốn nhà đầu tư góp ban đầu và góp bổ sung. Khi Công ty Quản lý Quỹ nhận được kết quả giải tỏa phong tỏa về số tiền thu hợp lệ khoản góp vốn đầu tư và kết quả xác nhận vốn góp nhà đầu tư hợp lệ của đại lý chuyển nhượng (trường hợp phát hành lần đầu); giấy báo có của Ngân hàng Giám sát kèm bảng phân bổ tiền thu bán chứng chỉ quỹ về số tiền thu hợp lệ của các nhà đầu tư (trường hợp phát hành các lần tiếp theo), Công ty Quản lý Quỹ sử dụng để làm căn cứ ghi nhận vốn góp phát hành.

Vốn góp mua lại phản ánh việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Căn cứ vào xác nhận của đại lý chuyển nhượng kèm bảng tổng hợp các lệnh mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ ghi nhận vốn góp mua lại.

Chênh lệch giữa vốn góp phát hành và vốn góp mua lại chính là vốn góp của nhà đầu tư.

Thặng dư vốn bao gồm: thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- ▶ Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá. Thặng dư vốn phát hành không phát sinh ở lần đầu phát hành chứng chỉ quỹ.
- ▶ Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá mua lại chứng chỉ quỹ và mệnh giá.

3.6.2 Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi và lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Cuối niên độ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào "*Lợi nhuận chưa phân phối*".

3.6.3 Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong năm cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản "*Lợi nhuận chưa phân phối*" vào cuối năm.

Quỹ mở ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư theo Bản cáo bạch, Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được ủy quyền (ở kỳ gần nhất), Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi từ các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập trong năm. Trong đó, dự phòng liên quan đến phải thu bán chứng khoán được ghi nhận làm tăng chi phí trong năm, dự phòng liên quan đến cổ tức, trái tức và lãi tiền gửi được ghi nhận làm giảm thu nhập trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại chứng chỉ Quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

3.9 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

3.9.1 Phí quản lý danh mục đầu tư

Phí quản lý danh mục đầu tư bao gồm Phí quản lý quỹ, Phí dịch vụ quản trị quỹ và Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng. Theo quy định của Thông tư số 38/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2011 thì phí quản lý danh mục đầu tư mà Quỹ phải trả cho Công ty quản lý quỹ tối đa là 2% giá trị tài sản ròng ("NAV") của quỹ.

(i) Phí quản lý quỹ

Phí quản lý quỹ là 1,5% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá trong tháng.

Phí quản lý quỹ được tính theo công thức như sau:

Phí quản lý quỹ = 1,5% * Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 ngày).

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.9 Các khoản chi phí

3.9.1 Phí quản lý danh mục đầu tư (tiếp theo)

(ii) Phí dịch vụ quản trị Quỹ

Phí dịch vụ quản trị quỹ là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá (mức tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng), được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ hàng tháng để thực hiện dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Phí dịch vụ quản trị quỹ được tính theo công thức như sau:

Phí quản trị quỹ = 0,04% * Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 ngày).

(iii) Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 10.000.000 đồng mỗi tháng cộng với 0,01% giá trị giao dịch/1 giao dịch đối với các giao dịch trong tháng từ số 401 trở đi, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ vào tháng 1 và tháng 7 hàng năm để thực hiện dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho Quỹ. Từ tháng 7/2018, phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng được thanh toán hàng tháng cho tổ chức cung cấp dịch vụ.

Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng hàng tháng được tính theo công thức như sau:

Phí đại lý chuyển nhượng = 10.000.000 + 0,01% * Giá trị giao dịch trong tháng (từ giao dịch số 401 trở đi).

3.9.2 Phí giám sát

Phí giám sát là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá (mức tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng), được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho Ngân hàng Giám sát hàng tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát cho Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Mức phí giám sát sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của luật hiện hành.

Phí giám sát được tính theo công thức sau:

Phí giám sát = 0,04% * Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 ngày).

3.9.3 Phí lưu ký

Phí lưu ký là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá (mức tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng), được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho Ngân hàng Giám sát hàng tháng để thực hiện các dịch vụ lưu ký cho Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Mức phí trên không bao gồm các phí lưu ký phải thanh toán cho Trung tâm lưu ký, phí giao dịch chứng khoán, v.v. Mức phí lưu ký sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của luật hiện hành.

Phí lưu ký được tính theo công thức sau:

Phí lưu ký = 0,04% * Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 ngày).

3.9.4 Phí giao dịch chứng khoán

Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản phí giao dịch chứng khoán là 220.000 VND/giao dịch.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.10 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quý có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quý với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

3.11 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quý không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quý có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quý trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ tài chính, Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 08 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư.

Theo đó, khi Quý trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quý trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức được chi trả.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.11 Thuế (tiếp theo)

Giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 và Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

3.12 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ được xem là các bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

3.13 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.14 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Quỹ quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Quỹ bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư, chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Quỹ xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Quỹ bao gồm các khoản phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả phí dịch vụ quản lý Quỹ.

Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Quỹ có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.15 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số dư cuối năm VND</u>	<u>Số dư đầu năm VND</u>
Tiền gửi tại ngân hàng giám sát và lưu ký cho hoạt động của Quỹ	3.269.815.248	6.005.553.257
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (*)	13.518.034.153	8.225.259.694
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua/bán chứng chỉ quỹ	1.085.512.390	1.856.659.336
	<u>17.873.361.791</u>	<u>16.087.472.287</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận với lãi suất 5,5%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN

	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</u>		
	<u>Giá mua VND</u>	<u>Giá trị thị trường VND</u>	<u>Chênh lệch đánh giá lại VND</u>
Cổ phiếu	186.068.973.798	199.427.508.500	13.358.534.702
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng (*)	36.663.511.226	36.663.511.226	-
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết (**)	19.060.794.478	19.119.165.960	58.371.482
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (***)	6.700.000.000	6.735.007.969	35.007.969
	<u>248.493.279.502</u>	<u>261.945.193.655</u>	<u>13.451.914.153</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 18 tháng tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với lãi suất từ 7,4%/năm đến 7,7%/năm.

(**) Khoản mục trái phiếu doanh nghiệp niêm yết bao gồm các trái phiếu do Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan phát hành ngày 8 tháng 9 năm 2017, đáo hạn ngày 8 tháng 9 năm 2019, mệnh giá 100.000VND/trái phiếu, kỳ hạn 2 năm, lãi trả sau, định kỳ 6 tháng/lần và các trái phiếu do Công ty Cổ phần Vinhomes phát hành ngày 2 tháng 8 năm 2018, đáo hạn ngày 2 tháng 8 năm 2021, mệnh giá 100.000VND/trái phiếu, kỳ hạn 3 năm, lãi trả sau, định kỳ 6 tháng/lần.

(***) Khoản mục trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết là trái phiếu do Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn phát hành ngày 16 tháng 6 năm 2017, đáo hạn ngày 16 tháng 6 năm 2020, mệnh giá 100.000.000 VND/trái phiếu, kỳ hạn 3 năm, lãi suất kết hợp trả sau, xác định 6 tháng/lần.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	<u>Số dư cuối năm VND</u>	<u>Số dư đầu năm VND</u>
Phải thu về bán các khoản đầu tư, dự thu cổ tức và tiền lãi các khoản đầu tư		
Dự thu tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn (<i>Thuyết minh 15</i>)	3.284.235.098	2.067.798.827
Dự thu cổ tức (<i>Thuyết minh 14</i>)	509.424.600	471.790.100
Dự thu tiền lãi trái phiếu doanh nghiệp (<i>Thuyết minh 15</i>)	626.093.835	41.643.836
	<u>4.419.753.533</u>	<u>2.581.232.763</u>

7. PHẢI TRẢ CHO CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

	<u>Số dư cuối năm VND</u>	<u>Số dư đầu năm VND</u>
Phải trả Công ty Quản lý Quỹ	63.452.656	154.324.154
Phải trả cho các Đại lý phân phối	63.452.656	154.336.254
	<u>126.905.312</u>	<u>308.660.408</u>

8. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>Số dư cuối năm VND</u>	<u>Số dư đầu năm VND</u>
Phải trả chi phí kiểm toán	66.000.000	66.000.000
Trích trước phí quản lý thường niên	-	10.000.000
	<u>66.000.000</u>	<u>76.000.000</u>

9. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA CHỨNG CHỈ QUỸ

	<u>Số dư cuối năm VND</u>	<u>Số dư đầu năm VND</u>
Phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ đang chờ hoàn thành thủ tục xác nhận sở hữu Chứng chỉ quỹ	<u>961.017.899</u>	<u>1.711.014.000</u>

10. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA LẠI CHỨNG CHỈ QUỸ

	<u>Số dư cuối năm VND</u>	<u>Số dư đầu năm VND</u>
Phải trả cho nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ hợp lệ đang chờ hoàn thành thủ tục thanh toán	<u>124.494.491</u>	<u>145.645.336</u>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

11. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Phải trả phí quản lý Quỹ	366.222.200	312.767.911
Phải trả phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	22.000.000	66.000.000
Phải trả phí dịch vụ giám sát	19.800.000	19.800.000
Phải trả phí dịch vụ quản trị Quỹ	19.800.000	19.800.000
Phải trả phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ	18.000.000	18.000.000
Phải trả phí giao dịch chứng khoán	5.280.000	5.940.000
	451.102.200	442.307.911

12. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Số dư đầu năm VND	Phát sinh trong năm VND	Số dư cuối năm VND
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	17.250.933,04	5.170.866,50	22.421.799,54
Giá trị ghi theo mệnh giá	172.509.330.400	51.708.665.000	224.217.995.400
Thặng dư vốn	55.999.826.316	51.240.807.528	107.240.633.844
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	228.509.156.716	102.949.472.528	331.458.629.244
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	(4.537.016,50)	(2.982.050,12)	(7.519.066,62)
Giá trị ghi theo mệnh giá	(45.370.165.000)	(29.820.501.200)	(75.190.666.200)
Thặng dư vốn	(20.858.594.951)	(28.296.075.365)	(49.154.670.316)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	(66.228.759.951)	(58.116.576.565)	(124.345.336.516)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	12.713.916,54	2.188.816,38	14.902.732,92
Giá trị vốn góp hiện hành	162.280.396.765	44.832.895.963	207.113.292.728
Lợi nhuận chưa phân phối	89.471.520.736	(14.080.780.262)	75.390.740.474
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	251.751.917.501		282.504.033.202
Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ	19.801,28		18.956,52

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

13. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận đã thực hiện	61.938.826.321	40.095.671.008
Lợi nhuận chưa thực hiện (Thuyết minh 17)	13.451.914.153	49.375.849.728
	75.390.740.474	89.471.520.736

14. CỔ TỨC ĐƯỢC CHIA

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức thực nhận	9.578.754.940	6.169.255.200
Cổ tức dự thu (Thuyết minh 6)	509.424.600	471.790.100
	10.088.179.540	6.641.045.300

15. TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền lãi đã nhận trong năm	1.615.652.327	1.807.450.627
Tiền lãi từ trái phiếu	1.365.711.644	647.168.063
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	230.553.674	1.160.282.564
Tiền lãi từ tiền gửi không kỳ hạn	19.387.009	-
Tiền lãi dự thu đến cuối năm	3.910.328.933	2.109.442.663
Tiền lãi từ trái phiếu (Thuyết minh 6)	626.093.835	41.643.836
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh 6)	3.284.235.098	2.067.798.827
	5.525.981.260	3.916.893.290

16. LÃI BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Năm nay		Năm trước	
	Tổng giá trị bán trong năm VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi bán chứng khoán trong năm nay VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán trong năm trước VND
Cổ phiếu	48.338.179.150	36.775.363.324	11.562.815.826	5.679.004.360
Trái phiếu doanh nghiệp	3.300.000.000	3.300.000.000	-	(45.358.333)
	51.638.179.150	40.075.363.324	11.562.815.826	5.633.646.027

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

17. CHÊNH LỆCH TĂNG/(GIẢM) ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

	Giá trị mua theo sổ kế toán VND	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý kỳ này VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31.12.2018 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31.12.2017 VND	Chênh lệch đánh giá lại ghi nhận trong năm nay VND
Cổ phiếu	186.068.973.798	199.427.508.500	13.358.534.702	49.296.574.528	(35.938.039.826)
Trái phiếu doanh nghiệp	25.760.794.478	25.854.173.929	93.379.451	79.275.200	14.104.251
	211.829.768.276	225.281.682.429	13.451.914.153	49.375.849.728	(35.923.935.575)

18. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư	132.365.826	78.453.682
Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư	70.119.892	30.027.188
Chi phí giao dịch khác	477.360	-
	202.963.078	108.480.870

19. PHÍ DỊCH VỤ LƯU KÝ TÀI SẢN QUỸ MỞ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phí dịch vụ lưu ký - lưu ký tài sản (Thuyết minh 28.2)	216.000.000	195.000.000
Phí dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán (Thuyết minh 28.2)	58.410.000	60.390.000
Phí dịch vụ lưu ký trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	30.125.175	17.815.099
	304.535.175	273.205.099

20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 28.1)	120.000.000	120.000.000
Chi phí in ấn Bản cáo bạch	34.100.000	-
Phí thường niên trả cho UBCKNN	10.000.000	10.000.000
Phí Ngân hàng	7.190.744	4.322.970
Chi phí khác	-	1.764.000
	171.290.744	136.086.970

**Công ty Liên doanh Quỹ lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

21. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, giao dịch của Quỹ thực hiện chủ yếu thông qua các công ty chứng khoán sau:

STT (1)	Tên (mã) các Công ty chứng khoán có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch của Quỹ trong năm (2)	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ (3)	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng Công ty chứng khoán		Phí giao dịch bình quân (7) (%)	Phí giao dịch bình quân trên thị trường (8) (%)
			Giá trị giao dịch trong năm của Quỹ VND (4)	Tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ VND (5)		
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Không liên quan	28.244.738.500	162.413.876.042	17,39%	0,15%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	Không liên quan	22.132.000.000	162.413.876.042	13,63%	0,15%
3	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Có liên quan	24.600.859.500	162.413.876.042	15,15%	0,15%
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh	Không liên quan	44.604.697.900	162.413.876.042	27,46%	0,15%
5	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	Không liên quan	28.485.579.500	162.413.876.042	17,54%	0,15%
6	Giao dịch trên thị trường OTC	Không liên quan	14.346.000.642	162.413.876.042	8,83%	NA
Tổng			162.413.876.042		100,00%	

Các giao dịch thực hiện quyền và giao dịch lô lẻ đã được loại trừ khi xác định tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. THU NHẬP KHÁC

Thu nhập khác thể hiện khoản phí thu từ việc mua lại chứng chỉ quỹ của các nhà đầu tư.

23. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018:

Kỳ tính NAV	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018		Tăng/(giảm) NAV/1CCQ VND
	NAV VND	Số lượng CCQ tại ngày tính NAV VND	
Kỳ 1/Tháng 1	253.591.419.846	12.713.916,54	19.945.97
Kỳ 2/Tháng 1	259.297.462.781	12.794.199,40	20.266.79
Kỳ 3/Tháng 1	262.736.349.022	12.888.214,22	20.385.78
Kỳ 4/Tháng 1	264.998.733.522	13.029.222,94	20.338.79
Kỳ 5/Tháng 1	268.528.881.303	13.069.671,20	20.545.95
Kỳ cuối/Tháng 1	267.670.364.883	13.141.777,92	20.367.89
Kỳ 1/Tháng 2	251.841.734.002	13.141.777,92	19.163.44
Kỳ 2/Tháng 2	264.485.747.200	13.176.266,01	20.072.89
Kỳ 3/Tháng 2	264.476.917.684	13.176.266,01	20.461.16
Kỳ 4/Tháng 2	271.053.627.323	13.247.221,03	20.538.71
Kỳ cuối/Tháng 2	276.432.615.993	13.459.098,12	20.771.88
Kỳ 1/Tháng 3	279.570.861.553	13.459.098,12	21.079.59
Kỳ 2/Tháng 3	287.838.680.681	13.654.849,17	21.133.94
Kỳ 3/Tháng 3	294.280.531.816	13.924.541,10	21.070.24
Kỳ 4/Tháng 3	291.632.511.700	13.840.962,61	20.951.79
Kỳ cuối/Tháng 3	290.498.051.363	13.865.066,05	20.970.26
Kỳ 1/Tháng 4	290.754.107.279	13.865.066,05	20.993.50
Kỳ 2/Tháng 4	292.897.569.862	13.951.821,68	20.571.83
Kỳ 3/Tháng 4	289.920.255.728	14.093.067,16	19.685.92
Kỳ 4/Tháng 4	280.700.353.167	14.258.934,75	19.609.57
Kỳ cuối/Tháng 4	284.412.398.217	14.503.749,15	19.609.58
Kỳ 1/Tháng 5	284.412.463.924	14.503.749,15	0,01

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV		Số lượng CCQ	NAV/1CCQ		Tăng/(giảm) NAV/1CCQ
	NAV	VND		NAV/1CCQ	VND	
Kỳ 2/Tháng 5	284.840.242.433		14.481.479,54	19.669,27	59,69	
Kỳ 3/Tháng 5	292.908.535.133		14.824.775,98	19.758,04	88,77	
Kỳ 4/Tháng 5	285.256.706.962		14.910.732,73	19.130,96	(627,08)	
Kỳ 5/Tháng 5	282.362.303.421		14.944.636,57	18.893,88	(237,08)	
Kỳ cuối/Tháng 5	283.412.851.588		14.923.472,14	18.991,07	97,19	
Kỳ 1/Tháng 6	290.882.748.954		14.923.472,14	19.491,62	500,55	
Kỳ 2/Tháng 6	293.130.787.839		15.073.952,27	19.446,17	(45,45)	
Kỳ 3/Tháng 6	284.294.364.548		15.076.833,58	18.856,37	(589,80)	
Kỳ 4/Tháng 6	285.992.551.622		14.913.843,78	19.176,31	319,94	
Kỳ cuối/Tháng 6	280.723.892.982		14.881.237,41	18.864,28	(312,03)	
Kỳ 1/Tháng 7	270.311.021.242		14.881.237,41	18.164,55	(699,73)	
Kỳ 2/Tháng 7	270.847.820.858		14.875.759,03	18.207,32	42,77	
Kỳ 3/Tháng 7	274.886.969.136		14.880.885,53	18.472,48	265,16	
Kỳ 4/Tháng 7	277.018.540.424		14.798.742,65	18.719,05	246,57	
Kỳ cuối/Tháng 7	282.317.991.104		14.881.658,24	18.970,86	251,81	
Kỳ 1/Tháng 8	276.146.714.916		14.707.838,32	18.775,47	(195,39)	
Kỳ 2/Tháng 8	281.183.506.953		14.665.749,87	19.172,80	397,33	
Kỳ 3/Tháng 8	282.448.186.801		14.718.776,91	19.189,65	16,85	
Kỳ 4/Tháng 8	286.151.607.981		14.758.128,63	19.389,42	199,77	
Kỳ cuối/Tháng 8	290.144.945.689		14.868.609,43	19.513,92	124,50	
Kỳ 1/Tháng 9	288.090.184.878		14.868.609,43	19.375,73	(138,19)	
Kỳ 2/Tháng 9	291.014.202.441		14.919.992,86	19.504,98	129,25	
Kỳ 3/Tháng 9	299.417.477.059		15.075.444,15	19.861,27	356,29	
Kỳ 4/Tháng 9	302.499.397.994		14.993.996,54	20.174,70	313,43	

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF**

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018		Tăng/(giảm) NAV/1CCQ
	NAV VND	Số lượng CCQ NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND	
Kỳ cuối/Tháng 9	304.486.444,184	14.981.043,22	150,08
Kỳ 1/Tháng 10	305.107.614,529	14.981.043,22	41,46
Kỳ 2/Tháng 10	306.147.255,395	15.039.783,63	(10,42)
Kỳ 3/Tháng 10	296.401.694,292	14.988.795,93	(580,94)
Kỳ 4/Tháng 10	288.575.987,005	15.012.494,97	(552,50)
Kỳ 5/Tháng 10	281.134.785,985	15.015.191,28	(499,03)
Kỳ cuối/Tháng 10	284.563.874,674	14.964.878,53	292,09
Kỳ 1/Tháng 11	286.592.121,550	14.964.878,53	135,54
Kỳ 2/Tháng 11	282.962.837,131	14.968.806,35	(247,48)
Kỳ 3/Tháng 11	286.227.514,041	14.970.723,21	215,65
Kỳ 4/Tháng 11	285.127.578,008	14.901.621,70	14,84
Kỳ cuối/Tháng 11	285.701.121,969	14.877.800,00	69,19
Kỳ 1/Tháng 12	292.595.977,567	14.877.800,00	463,43
Kỳ 2/Tháng 12	292.367.124,347	14.916.125,43	(65,87)
Kỳ 3/Tháng 12	289.545.001,809	15.036.589,62	(344,72)
Kỳ 4/Tháng 12	281.413.508,640	15.006.835,61	(503,67)
Kỳ cuối/Tháng 12	282.504.033,202	14.902.732,92	204,17
Giá trị tài sản ròng bình quân năm	283.305.785,291		1.204,45

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị chứng chỉ quỹ trong năm mức cao nhất
0,01

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị chứng chỉ quỹ trong năm mức thấp nhất

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017:

Kỳ tính NAV	NAV		Số lượng CCQ		NAV/1CCQ tại ngày tính NAV		Tăng/(giảm) NAV/1CCQ VND
	NAV	VND	Số lượng CCQ	VND	NAV/1CCQ	VND	
Kỳ 1/Tháng 1	152.292.499.839		10.059.647,03		15.138,95	100,68	
Kỳ 2/Tháng 1	153.505.529.745		10.072.784,92		15.239,63	131,39	
Kỳ 3/Tháng 1	155.565.260.593		10.120.682,99		15.371,02	27,35	
Kỳ 4/Tháng 1	156.766.804.010		10.180.739,35		15.398,37	51,10	
Kỳ cuối/Tháng 1	158.477.238.291		10.257.774,11		15.449,47	-	
Kỳ 1/Tháng 2	158.477.245.990		10.257.774,11		15.449,47	236,78	
Kỳ 2/Tháng 2	160.940.844.180		10.259.994,24		15.686,25	305,23	
Kỳ 3/Tháng 2	164.224.913.195		10.269.521,29		15.991,48	141,00	
Kỳ 4/Tháng 2	167.069.701.925		10.356.101,55		16.132,48	(93,60)	
Kỳ cuối/Tháng 2	165.800.404.138		10.337.402,99		16.038,88	97,61	
Kỳ 1/Tháng 3	166.952.793.150		10.346.286,87		16.136,49	(14,65)	
Kỳ 2/Tháng 3	162.455.165.604		10.076.708,40		16.121,84	286,36	
Kỳ 3/Tháng 3	166.269.456.417		10.133.312,59		16.408,20	9,01	
Kỳ 4/Tháng 3	166.432.889.637		10.137.704,75		16.417,21	125,00	
Kỳ cuối/Tháng 3	167.649.496.926		10.134.648,61		16.542,21	21,41	
Kỳ 1/Tháng 4	167.866.541.673		10.134.648,61		16.563,62	28,05	
Kỳ 2/Tháng 4	168.268.929.211		10.141.771,35		16.591,67	(264,36)	
Kỳ 3/Tháng 4	166.286.775.912		10.184.576,28		16.327,31	(9,86)	
Kỳ 4/Tháng 4	165.314.050.846		10.131.114,48		16.317,45	367,30	
Kỳ cuối/Tháng 4	169.912.617.087		10.183.706,96		16.684,75		

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF**

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV	Số lượng CCQ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	VND		NAV/1CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(giảm) NAV/1CCQ
Kỳ 1/Tháng 5	169.911.647.456	10.183.706,96	VND	VND
Kỳ 2/Tháng 5	172.515.137.095	10.271.589,48	16.684,65	(0,10)
Kỳ 3/Tháng 5	175.181.182.475	10.310.251,16	16.795,36	110,71
Kỳ 4/Tháng 5	183.389.934.324	10.600.412,33	16.990,97	195,61
Kỳ 5/Tháng 5	185.628.183.931	10.640.555,52	17.300,26	309,29
Kỳ cuối/Tháng 5	186.186.672.892	10.651.372,21	17.445,34	145,08
Kỳ 1/Tháng 6	188.724.184.568	10.651.372,21	17.480,06	34,72
Kỳ 2/Tháng 6	190.513.776.871	10.670.833,89	17.718,29	238,23
Kỳ 3/Tháng 6	194.465.222.579	10.741.220,94	17.853,69	135,40
Kỳ 4/Tháng 6	195.020.594.993	10.733.078,13	18.104,57	250,88
Kỳ cuối/Tháng 6	196.056.587.068	10.737.344,19	18.170,05	65,48
Kỳ 1/Tháng 7	196.189.709.525	10.737.344,19	18.259,31	89,26
Kỳ 2/Tháng 7	195.391.416.845	10.817.574,05	18.271,71	12,40
Kỳ 3/Tháng 7	193.427.825.955	10.864.709,53	18.062,40	(209,31)
Kỳ 4/Tháng 7	194.216.184.198	10.921.454,35	17.803,31	(259,09)
Kỳ cuối/Tháng 7	199.051.361.351	10.991.759,89	17.782,99	(20,32)
Kỳ 1/Tháng 8	198.730.410.870	10.991.759,89	18.109,14	326,15
Kỳ 2/Tháng 8	200.429.786.967	11.150.269,38	18.079,94	(29,20)
Kỳ 3/Tháng 8	201.048.150.975	11.217.093,83	17.975,33	(104,61)
Kỳ 4/Tháng 8	200.867.695.616	11.303.580,86	17.923,37	(51,96)
Kỳ 5/Tháng 8	202.067.599.343	11.320.914,83	17.770,27	(153,10)
Kỳ cuối/Tháng 8	203.848.155.548	11.393.706,13	17.849,05	78,78
			17.891,29	42,24

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017		Tăng/(giảm) NAV/1CCQ
	NAV	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV	
	VND	VND	VND
Kỳ 1/Tháng 9	204.500.562.820	11.393.706,13	17.948,55
Kỳ 2/Tháng 9	203.609.396.926	11.469.414,75	(196,18)
Kỳ 3/Tháng 9	209.307.932.672	11.705.869,15	17.880,59
Kỳ 4/Tháng 9	214.067.171.007	11.865.238,66	18.041,53
Kỳ cuối/Tháng 9	219.660.083.816	12.160.768,22	18.063,01
Kỳ 1/Tháng 10	218.177.419.462	12.160.768,22	17.941,08
Kỳ 2/Tháng 10	219.640.550.126	12.172.864,42	18.043,45
Kỳ 3/Tháng 10	224.005.519.180	12.338.242,01	18.155,38
Kỳ 4/Tháng 10	221.129.416.330	12.366.100,61	17.881,90
Kỳ cuối/Tháng 10	221.421.016.836	12.446.167,26	17.790,29
Kỳ 1/Tháng 11	224.928.871.039	12.568.487,09	17.896,25
Kỳ 2/Tháng 11	229.674.179.886	12.537.503,14	18.318,97
Kỳ 3/Tháng 11	235.954.287.423	12.664.007,85	18.631,88
Kỳ 4/Tháng 11	237.333.435.950	12.620.254,94	18.805,75
Kỳ cuối/Tháng 11	241.039.084.135	12.664.865,46	19.032,10
Kỳ 1/Tháng 12	243.747.220.841	12.664.865,46	19.245,93
Kỳ 2/Tháng 12	240.631.191.982	12.687.193,14	18.966,46
Kỳ 3/Tháng 12	245.672.531.402	12.698.879,86	19.346,00
Kỳ cuối/Tháng 12	246.673.196.321	12.622.021,38	19.543,08
Kỳ cuối/Tháng 12	251.751.917.501	12.713.916,54	19.801,28
Giá trị tài sản ròng bình quân năm	194.365.628.765		422,72

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị chứng chỉ quỹ trong năm mức cao nhất

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị chứng chỉ quỹ trong năm mức thấp nhất

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

24. TÀI SẢN NGOẠI BẢNG

24.1 Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành

Chi tiết theo thời gian có thể mua lại chứng chỉ quỹ:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Đến một năm	14.902.732,92	12.713.916,54

25. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ

	Năm nay	Năm trước
Tỷ lệ chi phí hoạt động (%)	2,03	2,14
Tốc độ vòng quay danh mục (lần)	0,2868	0,2264

25.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí hoạt động của Quỹ tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng.

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

Những chi phí không được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ khi tính chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp (thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả thuế Nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán chứng chỉ quỹ; và
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

25.2 Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ trong một (1) năm.

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán trong kỳ}) / 2 * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

26. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quý có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Quý. Quý cũng đã được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

26.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

(i) Rủi ro về giá chứng khoán

Các cổ phiếu niêm yết do Quý nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quý quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu của Quý là 199.427.508.500 đồng. Nếu giá trị thị trường của các cổ phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quý sẽ giảm khoảng 19.942.750.850 đồng, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá trị thị trường của các cổ phiếu này tăng 10% thì kết quả hoạt động của Quý sẽ tăng khoảng 19.942.750.850 đồng.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quý chủ yếu liên quan đến tiền và tiền gửi ngân hàng của Quý. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quý nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quý và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quý do Quý nắm giữ chủ yếu các chứng khoán nợ của các tổ chức tài chính có lãi suất cố định.

(iii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quý được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quý là không có.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

26. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

26.2 *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quý có rủi ro tín dụng từ tài sản tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Quý chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tiền gửi đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận quản lý đầu tư của Quý theo chính sách của Quý. Quý nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là rất thấp.

Chính sách của Quý là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín.

Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quý (ví dụ như môi giới, lưu ký, ngân hàng,...) bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

26.3 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quý gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quý chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quý đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quý giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quý và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quý tại thời điểm cuối năm:

	Số dư cuối năm		Số dư đầu năm	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền				
- Tiền gửi ngân hàng	4.355.327.638	4.355.327.638	7.862.212.593	7.862.212.593
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng	13.518.034.153	13.518.034.153	8.225.259.694	8.225.259.694
Các khoản đầu tư				
- Cổ phiếu	199.427.508.500	199.427.508.500	180.363.866.650	180.363.866.650
- Tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	36.663.511.226	36.663.511.226	46.654.538.316	46.654.538.316
- Trái phiếu doanh nghiệp	25.854.173.929	25.854.173.929	10.079.275.200	10.079.275.200
Các khoản phải thu	4.419.753.533	4.419.753.533	2.581.232.763	2.581.232.763
TỔNG CỘNG	284.238.308.979	284.238.308.979	255.766.385.216	255.766.385.216
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả về mua các khoản đầu tư	-	-	1.327.948.940	1.327.948.940
Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	126.905.312	126.905.312	308.660.408	308.660.408
Chi phí phải trả	66.000.000	66.000.000	76.000.000	76.000.000
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	961.017.899	961.017.899	1.711.014.000	1.711.014.000
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	124.494.491	124.494.491	145.645.336	145.645.336
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	451.102.200	451.102.200	442.307.911	442.307.911
TỔNG CỘNG	1.729.519.902	1.729.519.902	4.011.576.595	4.011.576.595

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

27. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh 3.4*.
- Giá trị hợp lý của trái phiếu doanh nghiệp được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh 3.4*.

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC

28.1 *Nghiệp vụ với các bên liên quan*

a) *Công ty Quản lý Quỹ*

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Phí quản lý Quỹ	<u>4.250.899.101</u>	<u>2.916.413.445</u>

b) *Thù lao Ban Đại diện Quỹ*

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ được hạch toán vào chi phí của Quỹ.

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	<u>120.000.000</u>	<u>120.000.000</u>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

28.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

c) Số lượng chứng chỉ quỹ mà bên liên quan nắm giữ

Chi tiết số lượng chứng chỉ quỹ được nắm giữ bởi bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Số dư cuối năm		Số dư đầu năm	
		Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Franklin Templeton Capital Holdings Private Limited	Chủ sở hữu chiếm 49% vốn điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ	2.500.000.00	16,78%	2.500.000,00	19,66%
Công ty Liên Doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank	Công ty Quản lý Quỹ	1.709.027.88	11,47%	1.709.027,88	13,45%
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Công ty con của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chủ sở hữu chiếm 51% vốn điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ	2.370.330.35	15,91%	2.370.330,35	18,64%
Bên liên quan khác		94.350.47	0,62%	53.625,45	0,42%
Tổng cộng		6.673.708.70	44,78%	6.632.983,68	52,17%

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

28.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng Giám sát

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký ký với Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam ("Ngân hàng Giám sát"), Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản phí giám sát là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quý/năm (tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng) và phí lưu ký là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quý/năm (tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng).

Ngân hàng Giám sát cũng đồng thời là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản phí quản trị quỹ là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quý/năm (tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng).

Ngoài ra, Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản phí giao dịch chứng khoán là 220.000 VND/giao dịch.

Chi tiết phí dịch vụ phát sinh trong năm như sau:

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Phí dịch vụ giám sát	237.600.000	214.500.000
Phí dịch vụ quản trị Quỹ	237.600.000	178.200.000
Phí dịch vụ lưu ký – lưu ký tài sản	216.000.000	195.000.000
Phí dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	58.410.000	60.390.000

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

29. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngoài các thông tin đã trình bày trong báo cáo tài chính, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.



Bà Trần Thị Hà Linh
Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Bà Võ Thị Thùy Linh
Người lập biểu



Ông Vũ Quang Đông
Tổng Giám đốc



Bà Nguyễn Băng Tâm
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2019

THH
★